

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc Hội thông qua tại kỳ họp lần thứ 4, khóa XI;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội thông qua tại kỳ họp thứ 8, khóa XII;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quyết định đầu tư và quy định về đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 27/TTr-SXD ngày 01 tháng 8 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Quy định về việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Phụ lục quy định các mẫu đơn, mẫu tờ khai về việc hiện thủ tục hành chính tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

a) Mẫu số 1: Áp dụng cho việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đá, đất, cát núi, cát sông,...);

b) Mẫu số 2: Áp dụng cho việc lập thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đá, đất, cát núi, cát sông,...);

3. Phụ lục về các mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính cấp lại, cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề trong hoạt động xây dựng như sau:

a) Mẫu số 3: Áp dụng cho việc đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư hoặc Kỹ sư hoạt động xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng công trình hoạt động xây dựng;

b) Mẫu số 4: Áp dụng cho việc đề nghị cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư hoặc Kỹ sư hoạt động xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng công trình hoạt động xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Anh Kiệt

QUY ĐỊNH

Về việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định thủ tục về tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Quy định thủ tục về góp ý kiến thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Các thủ tục hành chính chưa được quy định tại văn bản này thì thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Nơi nộp hồ sơ và trả kết quả

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng;

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang nộp hồ sơ và nhận kết quả tại:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các dự án đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Phòng Tài chính và Kế hoạch đối với các dự án đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định đầu tư và thực hiện theo phân cấp tại Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về

phân cấp quyết định đầu tư và quy định về đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 4. Tiếp nhận và hướng dẫn hồ sơ

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải viết biên nhận - nhận hồ sơ cho người đã nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa phù hợp, có sai sót thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần đầy đủ cho người nộp hồ sơ tất cả các vấn đề có liên quan để hoàn thiện hồ sơ. Trong quá trình thẩm định nếu hồ sơ chưa đúng hoặc chưa đầy đủ cần giải thích hoặc làm rõ thêm thì đơn vị thẩm định có trách nhiệm hướng dẫn bằng văn bản có đóng dấu treo của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Mọi vướng mắc phát sinh sau khi tiếp nhận hồ sơ (nếu có) phải được thông tin ngay cho người nộp hồ sơ để kịp thời bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

3. Khi nhận bản sao không có chứng thực, Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải đối chiếu bản sao chụp với bản chính và xác nhận vào bản sao.

Điều 5. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Các dự án đầu tư xây dựng công trình mở phải đảm bảo các điều kiện tại Điều 36 Luật Xây dựng, các quy định tại Luật Khoáng sản năm 2010 và Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khoáng sản.

Điều 6. Phí và lệ phí

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng, đơn vị thẩm định dự án thu phí theo quy định tại Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

Chương II

THỦ TỤC THAM GIA Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KHÔNG SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 7. Trình tự thực hiện

1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng;

2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn trả kết quả và chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn thẩm định theo quy định;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hướng dẫn (trong 01 lần) để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

3. Phòng chuyên môn tổ chức thẩm định, lấy ý kiến của các Sở, ngành và đơn vị có liên quan và tổng hợp trình lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt.

4. Phòng chuyên môn hoàn chỉnh hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

5. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng trả kết quả cho chủ đầu tư.

6. Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 8. Thành phần và số lượng hồ sơ bao gồm

Khi thực hiện thủ tục tham gia ý kiến thiết kế cơ sở chủ đầu tư nộp 07 bộ hồ sơ gồm các loại giấy tờ sau:

1. Văn bản đề nghị tham gia ý kiến thiết kế cơ sở.

2. Thuyết minh thiết kế cơ sở và bản vẽ thiết kế cơ sở (*Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này*).

3. Bản sao có chứng thực các loại giấy tờ sau:

a) Hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn và chứng chỉ hành nghề của cá nhân lập thiết kế;

b) Giấy phép có liên quan đến công tác thăm dò, khai thác khoáng sản và văn bản phê duyệt các tài liệu địa chất, địa hình, trữ lượng khoáng sản sử dụng để thiết kế;

c) Quyết định chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài của cấp có thẩm quyền trong trường hợp thiết kế áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

4. Trường hợp không có chứng thực, chủ đầu tư đem theo bản chính để đối chiếu: sau khi tiếp nhận hồ sơ và đối chiếu bản chính các giấy tờ, thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ ký xác nhận, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm vào bản sao.

Điều 9. Thời hạn, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

1. Thời hạn, kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

a) Thời hạn, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với dự án nhóm A thực hiện theo Điểm a Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

b) Thời gian tham gia góp ý kiến thiết kế cơ sở tại Sở Xây dựng:

- Đối với dự án nhóm B: **15 ngày làm việc.**

- Đối với dự án nhóm C: **10 ngày làm việc.**

2. Thời gian tham gia đóng góp ý kiến thiết kế cơ sở của các Sở, ngành và đơn vị có liên quan là **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Quá thời gian nêu trên, nếu các cơ quan liên quan không có ý kiến bằng văn bản thì được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình).

Điều 10. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

1. Sở Xây dựng thực hiện thủ tục tham gia ý kiến thiết kế cơ sở đối với các dự án nhóm B, C về đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương và các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện.

Chương III

THỦ TỤC THAM GIA Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1

THỦ TỤC THAM GIA Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 11. Trình tự thực hiện

1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn trả kết quả;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: hướng dẫn (trong 01 lần) để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, lấy ý kiến của các Sở, ngành và đơn vị có liên quan và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư trả kết quả cho chủ đầu tư.

Điều 12. Thành phần và số lượng hồ sơ bao gồm

Khi thực hiện thủ tục tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản, chủ đầu tư nộp 12 bộ hồ sơ đối với dự án nhóm A và 09 bộ hồ sơ đối với dự án nhóm B, C gồm các loại giấy tờ sau:

1. Tờ trình thẩm định dự án đầu tư (*Theo Mẫu phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP*).

2. Tập thuyết minh chung dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (*Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này*).

3. Thuyết minh thiết kế cơ sở và bản vẽ thiết kế cơ sở (*Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này*).

4. Thông báo chỉ tiêu vốn hoặc văn bản chủ trương đầu tư.

5. Bản sao có chứng thực các loại giấy tờ sau:

a) Hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn và chứng chỉ hành nghề của cá nhân lập thiết kế;

b) Giấy phép có liên quan đến công tác thăm dò, khai thác khoáng sản và văn bản phê duyệt các tài liệu địa chất, địa hình, trữ lượng khoáng sản sử dụng để thiết kế;

c) Quyết định chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài của cấp có thẩm quyền trong trường hợp Thiết kế áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có).

6. Trường hợp không có chứng thực, chủ đầu tư đem theo bản chính để đối chiếu: sau khi tiếp nhận hồ sơ và đối chiếu bản chính các giấy tờ, thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ ký xác nhận, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm vào bản sao.

Điều 13. Thời hạn, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

1. Thời gian phê duyệt dự án tại Ủy ban nhân dân tỉnh: **05 ngày làm việc**.

2. Thời gian thẩm định dự án tại Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Đối với dự án nhóm A: **40 ngày làm việc**.

b) Đối với dự án nhóm B: **30 ngày làm việc**.

c) Đối với dự án nhóm C: **20 ngày làm việc**.

3. Thời gian tham gia ý kiến thiết kế cơ sở:

a) Thời hạn, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với dự án nhóm A thực hiện theo Điểm a Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD.

b) Thời gian tham gia ý kiến thiết kế cơ sở tại Sở Xây dựng:

- Đối với dự án nhóm B: **15 ngày làm việc**.

- Đối với dự án nhóm C: **10 ngày làm việc**.

4. Thời gian tham gia đóng góp ý kiến thiết kế cơ sở của các Sở, ngành và đơn vị có liên quan là **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Trường hợp quá thời gian nêu trên, nếu các cơ quan liên quan không có ý kiến bằng văn bản thì được coi như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

Điều 14. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp thực hiện thủ tục hành chính.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

3. Sở Xây dựng thực hiện việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở đối với các dự án nhóm B, C về đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương và các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện.

Mục 2

THỦ TỤC THAM GIA Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 15. Trình tự thực hiện

1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Phòng Tài chính và Kế hoạch cấp huyện.
2. Phòng Tài chính và Kế hoạch tiếp nhận hồ sơ:
 - a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn trả kết quả.
 - b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: hướng dẫn (trong 01 lần) để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.
3. Đơn vị thẩm định dự án tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn có liên quan cấp huyện, ý kiến thiết kế cơ sở của Sở Xây dựng, ý kiến khác các đơn vị có liên quan và tổng hợp trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt.
4. Sau khi có Báo cáo kết quả thẩm định dự án, tiến hành trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.
5. Đơn vị thẩm định dự án trả kết quả cho chủ đầu tư.

Điều 16. Thành phần và số lượng hồ sơ bao gồm

Khi thực hiện thủ tục tham gia ý kiến thiết kế cơ sở khai thác khoáng sản, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản, chủ đầu tư nộp 12 bộ hồ sơ đối với dự án nhóm A và 09 bộ hồ sơ, gồm các loại giấy tờ sau:

1. Tờ trình thẩm định dự án đầu tư (*Theo Mẫu phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP*).
2. Tập thuyết minh chung dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (*Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này*).
3. Thuyết minh thiết kế cơ sở và bản vẽ thiết kế cơ sở (*Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này*).
4. Thông báo chỉ tiêu vốn hoặc văn bản chủ trương đầu tư.
5. Bản sao có chứng thực các loại giấy tờ sau (trường hợp không có chứng thực, chủ đầu tư đem theo bản chính để đối chiếu):

a) Hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn và chứng chỉ hành nghề của cá nhân lập thiết kế;

b) Giấy phép có liên quan đến công tác thăm dò, khai thác khoáng sản và văn bản phê duyệt các tài liệu địa chất, địa hình, trữ lượng khoáng sản sử dụng để thiết kế;

c) Quyết định chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài của cấp có thẩm quyền trong trường hợp Thiết kế áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có).

6. Trường hợp không có chứng thực, chủ đầu tư đem theo bản chính để đối chiếu: sau khi tiếp nhận hồ sơ và đối chiếu bản chính các giấy tờ, thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ ký xác nhận, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm vào bản sao.

Điều 17. Thời hạn, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

1. Thời gian phê duyệt dự án tại Ủy ban nhân dân cấp huyện: **05 ngày làm việc**.

2. Thời gian thẩm định dự án:

a) Đối với dự án nhóm A: **40 ngày làm việc**.

b) Đối với dự án nhóm B: **30 ngày làm việc**.

c) Đối với dự án nhóm C: **20 ngày làm việc**.

3. Thời gian tham gia ý kiến thiết kế cơ sở:

a) Thời hạn, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với dự án nhóm A thực hiện theo Điểm a Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD.

b) Thời gian tham gia góp ý kiến thiết kế cơ sở tại Sở Xây dựng:

- Đối với dự án nhóm B: **15 ngày làm việc**.

- Đối với dự án nhóm C: **10 ngày làm việc**.

4. Thời gian tham gia ý kiến thiết kế cơ sở của các Sở, ngành và đơn vị có liên quan là **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Trường hợp quá thời gian nêu trên, nếu các cơ quan liên quan không có ý kiến bằng văn bản thì được coi như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

Điều 18. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

2. Sở Xây dựng thực hiện việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở đối với các dự án nhóm B, C về đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương và các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện.

4. Phòng Tài chính và Kế hoạch tổ chức thực hiện việc thẩm định và trình phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tổ chức triển khai việc tiếp nhận, tham gia ý kiến thiết kế cơ sở và trả kết quả theo đúng Quy định này.

2. Theo dõi, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện và đề xuất xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan

Trong thời hạn **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, các Sở, ban, ngành và tổ chức được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho cơ quan tham gia ý kiến thiết kế cơ sở khai thác khoáng sản và cơ quan phê duyệt dự án đầu tư công trình khai thác khoáng sản. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả do không trả lời hoặc trả lời chậm trễ.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt những dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

3. Theo dõi, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện và đề xuất xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện việc thẩm định, phê duyệt những dự án được phân cấp theo quy định này.

2. Định kỳ báo cáo việc thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền, những khó khăn vướng mắc và đề xuất xử lý đến Sở Kế hoạch & Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Lập thiết kế cơ sở khai thác khoáng sản gửi Sở Xây dựng góp ý kiến thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư thuộc nhóm B, C về xây dựng công trình khai thác khoáng sản;

b) Tự tổ chức lập, thẩm định hoặc thuê tư vấn thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Lập thiết kế cơ sở, dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trình cho các cơ quan có

tham quyền tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản đối với các tổ chức tham gia thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo kịp thời.

2. Sở Xây dựng tổng hợp các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản đối với các tổ chức tham gia thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Anh Kiệt

Phụ lục
CÁC MẪU ĐƠN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ THAM GIA
Ý KIẾN THIẾT KẾ CƠ SỞ, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU
TU XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2012/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Mẫu 1: Áp dụng cho việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đá, đất, cát núi, cát sông,...);

Mẫu 2: Áp dụng cho việc lập thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đá, đất, cát núi, cát sông,...);

Mẫu 3: Áp dụng cho việc đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư hoặc Kỹ sư hoạt động xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng công trình;

Mẫu 4: Áp dụng cho việc đề nghị cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư hoặc Kỹ sư hoạt động xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng công trình.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2012/QĐ-UBND
ngày 08 tháng năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN PHẦN I: THUYẾT MINH DỰ ÁN MỤC LỤC

Stt	Tên Chương mục	Số trang
I	Khái quát chung về Dự án	
1	Chương 1. Nhu cầu thị trường và tiêu thụ sản phẩm.	
2	Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư.	
3	Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất.	
4	Chương 4. Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác.	
5	Chương 5. Mô tả về quy mô và diện tích xây dựng công trình, các hạng mục công thuộc dự án.	
II	Giải pháp kỹ thuật	
6	Chương 6. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn	
	6.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường	
	6.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
	6.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác	
	6.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ	
	6.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy	
7	Chương 7. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật	
	7.1. Công tác chế biến khoáng sản	
	7.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng	
	7.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc)	
8	Chương 8. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ	
	8.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng	
	8.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
	8.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
	8.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
III	Phân tích tài chính	
9	Chương 9. Vốn đầu tư	
10	Chương 10. Hiệu quả kinh tế.	
IV	Kết luận và kiến nghị	

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành dự án, xuất xứ và sự cần thiết lập dự án

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1- Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

- Tên chủ đầu tư:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư):
- Giấy phép khai thác mỏ (nếu đã có)

2. Cơ sở để lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Cơ sở pháp lý lập Dự án:

Văn bản phê duyệt Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án quan trọng quốc gia); Văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, trong đó dự án có trong danh mục đầu tư, hoặc văn bản thoả thuận bổ sung quy hoạch, thoả thuận chủ trương đầu tư của dự án (đối với dự án nhóm A).

2.2. Tài liệu cơ sở:

Tài liệu cơ sở lập dự án gồm: tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất; thoả thuận về địa điểm; nguồn đầu nối điện, nước, giao thông và tài liệu mỏ khác của các giai đoạn trước (nếu có).

Chương 1. Nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm

1.1. Nhu cầu thị trường:

Xác định vị trí và vai trò của sản phẩm của dự án trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước hoặc trong Quy hoạch ngành (nếu đã có).

1.2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm:

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, giá cả, điều kiện mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Sự thay thế và cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài cùng mã hiệu, chất lượng hoặc cùng tính năng, tác dụng.

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nước ngoài theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, giá cả, điều kiện, mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của nước nhập khẩu sản phẩm về việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổng hợp khả năng tiêu thụ trong nước và ngoài nước đối với sản phẩm lựa chọn sẽ đầu tư sản xuất.

- Kết luận về nhu cầu thị trường, điều kiện và khả năng tiêu thụ đối với sản phẩm lựa chọn.

Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư

2.1. Sự cần thiết phải đầu tư:

Xác định sự cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình, các chế độ, chính sách kinh tế xã hội liên quan đến phát triển mỏ, các điều kiện thuận lợi và khó khăn trong đầu tư.

2.2. Mục tiêu đầu tư, chương trình sản xuất và yêu cầu phải đáp ứng.

2.2.1. Mục tiêu đầu tư: Sử dụng trong nước, thay thế hàng nhập khẩu và xuất khẩu.

2.2.2. Chương trình sản xuất, các yêu cầu phải đáp ứng.

- Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ngành hay theo yêu cầu của thị trường.

- Chương trình sản xuất.

Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất

3.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

3.1.1. Hình thức đầu tư

Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay nâng cấp, mở rộng.

3.1.2. Hình thức quản lý dự án: Luận giải và lựa chọn hình thức quản lý dự án, ví dụ như:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án
- Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án
- Hỗn hợp cả 2 hình thức trên. Trong trường hợp này, cần phân tích và xác định công việc cụ thể đối với từng hình thức quản lý dự án.

3.2. Địa điểm xây dựng công trình và nhu cầu sử dụng đất

3.2.1. Địa điểm xây dựng công trình: Luận giải và xác định địa điểm xây dựng công trình.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất: Xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

Chương 4. Cung cấp nguyên, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác

Luận giải và xác định các nhu cầu đầu vào và các giải pháp bảo đảm: trên cơ sở dự kiến sản lượng hàng năm của mỏ cũng như yêu cầu về trang, thiết bị để nêu ra những yêu cầu cần phải đáp ứng cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ như: cung cấp điện, nước, nguyên, nhiên liệu (nếu có) và đưa ra các giải pháp đáp ứng để lựa chọn.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

(Tóm tắt kết quả phân tích, lựa chọn của Thiết kế cơ sở)

Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn

5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm địa chất khoáng sản, trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.

5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu kết quả xác định chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.

5.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt kết quả xác định phương án chọn về mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.

5.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu kết quả lựa chọn về phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.

5.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện và kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Công tác chế biến khoáng sản: Mô tả tóm tắt phương pháp và sản phẩm của công tác chế biến khoáng sản.

6.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng: Mô tả tóm tắt công tác sửa chữa, cơ điện và kho tàng.

6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc): Mô tả tóm tắt về giải pháp đáp ứng mạng hạ tầng kỹ thuật.

Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất

7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án. Mô tả các giải pháp kiến trúc - xây dựng Thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh: Xác định các nguồn gây ô nhiễm môi trường, giải pháp xử lý. Giải pháp và tiến độ hoàn thổ môi trường, phục hồi môi sinh. (Chương này cần nêu các giải pháp chính đã đề cập trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động; Xác định sơ đồ và mô hình quản lý. Biên chế và bố trí lao động.

7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư; Xác định khối lượng công tác giải phóng mặt bằng, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chương 8. Vốn đầu tư

8.1. Vốn đầu tư: Xác định tổng mức đầu tư của dự án bao gồm các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng.
- Chi phí thiết bị.
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư.

- Chi phí quản lý dự án và chi phí khác (*trong đó không bao gồm: Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất và Lãi vay trong thời gian XD CB*).

- Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất.
- Lãi vay trong thời gian XD CB.
- Chi phí dự phòng.

Nội dung cụ thể của các khoản mục đầu tư và phương pháp lập tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng hoặc dự án có sử dụng lại tài sản hiện có cần xác định và phân ra: vốn hiện có sử dụng lại, vốn đầu tư mới đối với từng khoản mục chi phí đầu tư.

8.2. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ huy động vốn:

Xác định cụ thể các nguồn vốn đầu tư bao gồm vốn tự có, vốn vay, vốn góp, vốn ngân sách cấp (nếu có) và các nguồn vốn khác. Cơ cấu nguồn vốn cần phân ra vốn nội tệ và ngoại tệ (nếu có) và quy chuyển tương đương về vốn nội tệ tại thời điểm tính toán.

Xác định tiến độ huy động vốn theo các nguồn vốn trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Chương 9. Hiệu quả kinh tế

9.1. Giá thành: Nêu cơ sở và phương pháp xác định giá thành đơn vị của sản phẩm, các thông số tính toán, kết quả tính toán giá thành theo các yếu tố chi phí sản xuất.

9.2. Hiệu quả kinh tế:

- Nêu cơ sở tính giá bán, doanh thu tiêu thụ sản phẩm.
- Nêu cơ sở và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế, các thông số tính toán gồm các bảng biểu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu. Cân đối tài chính cho cả đời dự án, tính toán lỗ lãi.
- Xác định hiệu quả đầu tư (tài chính): NPV (Giá trị hiện tại thực), IRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ). Thời gian thu hồi vốn.
- Tính toán độ nhạy của dự án theo biến động của các yếu tố đầu vào (của chi phí sản xuất, giá thành) và đầu ra (giá bán, doanh thu). Đánh giá mức độ rủi ro của Dự án.

- Nêu kết luận và kiến nghị của phân tích kinh tế - tài chính

9.3. Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp:

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Nêu các kết luận chủ yếu về tài nguyên, quy mô công suất, tính hợp lý và khả thi về các giải pháp kỹ thuật lựa chọn, khả năng thu xếp vốn, hiệu quả và độ rủi ro của dự án.

- Nêu các kiến nghị về cơ chế, chính sách và giải pháp chủ yếu để thực hiện dự án.

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2012/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

A. THUYẾT MINH

Mục lục

Stt	Tên Chương mục	Số trang
	Lời nói đầu	
I	Các yếu tố kỹ thuật cơ bản	
1	Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và đặc điểm địa chất mỏ.	
2	Chương 2. Hiện trạng khai trường (nếu là dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất mỏ hiện có).	
II	Giải pháp kỹ thuật công nghệ	
1	Chương 3: Biên giới và trữ lượng khai trường.	
2	Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.	
3	Chương 5. Mở mỏ và trình tự khai thác.	
4	Chương 6. Hệ thống khai thác.	
5	Chương 7. Vận tải trong mỏ.	
6	Chương 8. Thải đất đá.	
7	Chương 9. Thoát nước mỏ.	
8	Chương 10. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy.	
9	Chương 11. Công tác chế biến khoáng sản.	
10	Chương 12. Sửa chữa cơ điện và kho tàng.	
11	Chương 13. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng.	
12	Chương 14. Thông tin liên lạc và tự động hoá.	
13	Chương 15. Kiến trúc và xây dựng.	
14	Chương 16. Cung cấp nước và thải nước.	
15	Chương 17. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ.	
16	Chương 18. Tổ chức xây dựng.	
17	Chương 19. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh.	
18	Chương 20. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động.	
19	Chương 21. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư.	
20	Bảng kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế.	

MỞ ĐẦU

Nêu vắn tắt những yếu tố hình thành dự án và giới thiệu những tính pháp nhân của tổ chức hoặc cá nhân lập dự án, thiết kế cơ sở (tên, địa chỉ liên hệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề tư vấn), giới thiệu Chủ nhiệm và các thành viên tham gia.

Nêu các quy định, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho thiết kế cơ sở của Dự án. Trong trường hợp Việt Nam chưa có quy định, tiêu chuẩn xây dựng đối với lĩnh vực cần thiết kế của Dự án phải sử dụng tiêu chuẩn của nước ngoài thì Cơ quan lập Thiết kế cơ sở cần tuân thủ theo “Quy chế áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BXD ngày 7/4/2005 và Quyết định số 35/2006/QĐ-BXD ngày 22/11/2006 của Bộ Xây dựng.

PHẦN I. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và đặc điểm địa chất mỏ

1. Đặc điểm kinh tế xã hội:

Nêu vị trí địa lý khu vực khai thác, điều kiện kinh tế xã hội, tình hình phát triển kinh tế ở địa phương, điều kiện xã hội và dân cư. Vai trò của mỏ khi tiến hành khai thác trong cộng đồng, nêu những khó khăn và thuận lợi. Nguồn cung cấp điện, nước. Nguồn lao động, bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý công nhân kỹ thuật (đào tạo, tuyển dụng, hình thức tuyển dụng). Nguồn vật tư kỹ thuật bao gồm vật liệu xây dựng, đường xá, nhà cửa công trình, các vật tư kỹ thuật khác dùng cho thời kỳ xây dựng cơ bản mỏ và cho thời kỳ mỏ hoạt động bình thường. Hệ thống giao thông như đường sắt, đường bộ, đường thủy. Hệ thống thông tin liên lạc hiện có ở khu vực.

2. Đặc điểm địa chất mỏ:

Nêu đặc điểm địa lý tự nhiên, khí hậu thủy văn, lịch sử công tác thăm dò, đặc điểm địa chất khu vực, địa chất mỏ, địa chất công trình và địa chất thủy văn. Trữ lượng địa chất đã được phê duyệt. Đánh giá mức độ thăm dò, độ tin cậy của tài liệu và kiến nghị bổ sung.

Chương 2. Hiện trạng mỏ

Mô tả hiện trạng về tài nguyên, khai thông, chuẩn bị khai trường, công nghệ khai thác, thông gió mỏ, vận tải mỏ, sàng tuyển quặng, phân xưởng sửa chữa, cung cấp điện, nước, tổng mặt bằng và các công trình trên mặt, tổ chức sản xuất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của 5 năm gần nhất (nếu có).

PHẦN II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Chương 3. Biên giới và trữ lượng khai trường

Biên giới mỏ: Nêu ra ít nhất 2 phương án biên giới mỏ để so sánh và lựa chọn. Nêu biên giới khai trường trên mặt, mức khai thác thấp nhất; kích thước khai trường theo đường phương (dài, rộng, diện tích).

Trữ lượng khai trường bao gồm: Trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, các tồn thất, trữ lượng công nghiệp.

Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ

Chế độ làm việc của mỏ (đối với từng bộ phận khai thác, trực tiếp, gián tiếp và chế biến khoáng sản nếu có sự khác nhau) trên cơ sở số ngày làm việc, số ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động và điều kiện cụ thể của mỏ.

Công suất mỏ được xác định trên cơ sở tài nguyên huy động, số công trường khai thác đồng thời, công nghệ khai thác lựa chọn, dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác, khả năng đầu tư và tổ chức sản xuất của mỏ. Công suất được xác định theo quặng nguyên khai, tinh quặng hoặc quặng thương phẩm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án công suất mỏ để so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và lựa chọn.

Tuổi thọ (thời gian tồn tại) của mỏ xác định trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác được và công suất khai thác theo thiết kế (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ, thời gian khai thác với công suất thiết kế và thời gian đóng cửa mỏ).

Tuổi thọ của khu vực, tuổi thọ của toàn mỏ cần tính theo 2 phương án công suất để so sánh, lựa chọn.

Chương 5. Mở vỉa và trình tự khai thác

Phương án mở vỉa lựa chọn trên cơ sở điều kiện địa hình và đặc điểm thể nằm của vỉa khoáng sản.

Trình tự khai thác chung toàn mỏ và trình tự khai thác riêng cho từng công trường hoặc từng khai trường của mỏ.

Chương 6. Hệ thống khai thác

Lựa chọn hệ thống khai thác trên cơ sở điều kiện khai thác của mỏ. Tính toán các thông số của hệ thống khai thác đã lựa chọn: Chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc, góc nghiêng sườn tầng khai thác, góc nghiêng sườn tầng kết thúc, góc nghiêng bờ công tác, bờ kết thúc trên cơ sở độ ổn định bờ tầng, bờ mỏ.

Tính toán các khâu công nghệ chính như: chuẩn bị đất đá, khoan - nổ mìn, xúc bốc, công nghệ khai thác quặng (đối với các mỏ quặng, mỏ khai thác than). Đồng bộ thiết bị sử dụng cho công nghệ khai thác và tính toán lựa chọn về chủng loại, mã hiệu, số lượng.

Chương 7. Vận tải trong mỏ

Lựa chọn các phương án vận tải trong mỏ (vận tải bằng ô tô, đường sắt, băng tải hoặc các hình thức khác) trên cơ sở đó tính toán vận tải cho từng đối tượng: đất đá thải, khoáng sản có ích hay người và vật liệu.

Lựa chọn chủng loại, mã hiệu tính toán số lượng thiết bị vận tải, cũng như tính toán về các thông số của tuyến đường vận tải (đối với vận tải ô tô, đường sắt, băng tải).

Chương 8. Thải đất đá

Tính toán khối lượng đất đá thải, lựa chọn vị trí đổ thải, tính toán dung tích bãi thải, công nghệ và thiết bị phục vụ công tác thải đất đá.

Chương 9. Thoát nước mỏ

Tính toán lượng nước chảy vào moong khai thác và lựa chọn phương án thoát nước phù hợp.

Tính toán lựa chọn thiết bị phục vụ cho thoát nước mỏ.

Chương 10. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy

Các giải pháp kỹ thuật an toàn cho các khâu công nghệ khai thác. Các biện pháp chống tụt lở bờ mỏ, chống sự cố nước ngầm, nước mặt gây lũ quyết ảnh hưởng đến khai thác mỏ.

Các giải pháp về vệ sinh công nghiệp, chống bụi và thông khí mỏ khi xuống sâu (nếu có). Các giải pháp về phòng chống cháy, nổ.

Chương 11. Công tác chế biến khoáng sản

Trong trường hợp dự án mỏ yêu cầu có sản phẩm là quặng đã qua chế biến để đạt tiêu chuẩn nhất định thì phải lựa chọn công nghệ chế biến và các thiết bị hợp lý nhằm thu hồi tối đa tài nguyên khoáng sản. Thiết kế cần lập ít nhất 2 phương án chế biến để so sánh lựa chọn.

Nếu chủ đầu tư có nhu cầu lập riêng Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến khoáng sản thì Dự án đầu tư chế biến khoáng sản được lập theo yêu cầu của Chủ đầu tư và Chương này chỉ nêu tóm tắt nội dung các giải pháp chính đã lựa chọn.

Chương 12. Sửa chữa cơ điện và kho tàng

Lựa chọn các giải pháp về sửa chữa cơ điện kho tàng và các công trình phụ trợ. Lựa chọn thiết bị phục vụ đối với từng thành phần (như khối sửa chữa cơ điện, khối kho thành phẩm và bán thành phẩm, kho thiết bị, vật liệu, phụ tùng, dầu mỡ) nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng và hoạt động của toàn bộ dây chuyền sản xuất theo các phương án công nghệ đã lựa chọn.

Chương 13. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng

Tính toán các phụ tải và xác định các giải pháp cung cấp điện hợp lý. Các chỉ tiêu, tiêu hao về điện. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp điện, chiếu sáng.

Chương 14. Thông tin liên lạc và tự động hoá.

Xác định mức độ cần thiết, giải pháp kỹ thuật, lựa chọn thiết bị, vật liệu và xác định khối lượng công việc xây dựng cho hệ thống thông tin liên lạc, tự động hoá và điều khiển máy móc thiết bị của mỏ.

Chương 15. Kiến trúc và xây dựng

Nêu cơ sở thiết kế, quy mô xây dựng các nhà, xưởng và công trình xây dựng khác phục vụ cho khai thác mỏ trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiến trúc và kết cấu công trình.

Chương 16. Cung cấp nước và thải nước

Tính toán nhu cầu về sử dụng nước công nghiệp, sinh hoạt, nước phục vụ cho khai thác mỏ. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp nước.

Các giải pháp cấp nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy và so sánh lựa chọn giải pháp cung ứng.

Các giải pháp về xử lý và thải các loại nước bẩn từ sản công nghiệp và công trình khác của mỏ (nước thải từ mặt bằng sản công nghiệp, nước thải từ khu vực sinh hoạt) ra môi trường.

Chương 17. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ

Trên cơ sở các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho khai thác mỏ đã tính toán lựa chọn, bố trí tổng mặt bằng cần bảo đảm các yêu cầu như: Phù hợp với phương án mở vỉa và hệ thống khai thác đã chọn, an toàn mỏ, thuận lợi về giao thông vận tải trong và ngoài mỏ, gần các nguồn điện, nước.

Nêu các phương án vận tải ngoài mỏ. Thiết kế cần nêu ít nhất 2 phương án để lựa chọn phương án vận tải ngoài mỏ.

Chương 18. Tổ chức xây dựng

Phương án tổ chức thi công các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác khai thác mỏ như: nhà, công trình, đường vận tải và kho tàng. Phương án bóc đất trong thời gian xây dựng mỏ (bóc đất xây dựng cơ bản nếu có).

Chương 19. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh

Chương này nêu tóm tắt nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Dự án cần lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định hiện hành thành bộ hồ sơ riêng trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

Chương 20. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

Nêu sơ đồ quản lý sản xuất, tổ chức các bộ phận sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Biên chế lao động cho bộ phận sản xuất trực tiếp, bộ phận gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ. Năng suất lao động của từng bộ phận sản xuất trực tiếp, gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ.

Chương 21. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

Khối lượng công tác giải phóng mặt bằng (diện tích giải phóng, khối lượng công trình phải đền bù: nhà, mồ mả, công trình). Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư. Lịch trình thực hiện.

Bảng liệt kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế
Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế

B. BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Stt	Tên bản vẽ	Ký hiệu bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 và 1/50.000)	
2	Bản đồ địa hình có lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
3	Bình đồ tính trữ lượng khoáng sản (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
4	Các mặt cắt địa chất đặc trưng (tỷ lệ 1/500; 1/1.000)	
5	Bản đồ mở vỉa năm thứ nhất (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
6	Bản đồ kết thúc xây dựng cơ bản mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
7	Các bản đồ khai thác năm thứ 1 đến năm đạt công suất thiết kế (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
8	Bản đồ chuyển giai đoạn khai thác (nếu có) (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).	
9	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).	
10	Sơ đồ công nghệ và các yếu tố hệ thống khai thác.	
11	Bản vẽ các thông số khoan - nổ mìn (nếu có).	
12	Bản vẽ bố trí mặt bằng công nghệ (thiết bị) các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản	
13	Sơ đồ dây chuyền công nghệ trên mặt	
13	Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt các công trình kiến trúc (Đối với các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản có thể phối hợp phần công nghệ với kiến trúc)	
14	Sơ đồ nguyên lý thông tin liên lạc, tự động hoá điều khiển, cung cấp điện, nước, khí nén.	
15	Bản đồ mặt bằng sân công nghiệp (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/1.000 hoặc 1/2.000) có thể hiện các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật hạ tầng.	
16	Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình của các tuyến thuộc hệ thống vận tải (đường ô tô, đường sắt, băng tải).	
17	Bản đồ tổng mặt bằng Nhà máy chế biến khoáng sản (tỷ lệ 1/2.000).	
18	Sơ đồ công nghệ dây chuyền máy móc, thiết bị chế biến khoáng sản.	
19	Sơ đồ nguyên lý định tính, định lượng của dây chuyền chế biến khoáng sản.	
20	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.	
21	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).	

Mẫu số 03

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2012/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Lần đăng ký
cấp chứng chỉ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ

(Điền loại Chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp: Kiến trúc sư hoặc Kỹ sư hoạt động xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng công trình vào dấu.....)

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang.

1. Tên cá nhân:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:.....
5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu và giấy phép cư trú):.....
6. Nơi cấp: ngày cấp
7. Địa chỉ thường trú:
8. Trình độ chuyên môn:
- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp.....
- Nơi làm việc hiện nay:
9. Đã được cấp Chứng chỉ hành nghề số:.....
10. Đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề với các nội dung sau:
.....
.....
11. Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề trong hoạt động theo đúng chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.

Trong quá trình hành nghề không vi phạm các quy định trong hoạt động xây dựng và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2012/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Lần đăng ký
cấp chứng chỉ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ

(Điền loại Chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp: Kiến trúc sư hoặc Kỹ sư hoạt động xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng công trình vào dấu.....).

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang.

1. Tên cá nhân:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:.....
5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu và giấy phép cư trú):.....
6. Nơi cấp: ngày cấp
7. Địa chỉ thường trú:
8. Trình độ chuyên môn:
 - Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp.....
 - Nơi làm việc hiện nay:
9. Đã được cấp Chứng chỉ hành nghề số:.....
10. Đề nghị được cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề với các nội dung sau:
.....
.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề trong hoạt động theo đúng chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.

Trong quá trình hành nghề không vi phạm các quy định trong hoạt động xây dựng và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)